

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 28/04/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Phan Thị Hải An	Nữ	07/01/2004	Nghệ An	5.3	6.0	796/QĐ159/2022	TH003536	
2	Hoa Thị Phương Anh	Nữ	01/3/2004	Nghệ An	5.7	5.5	797/QĐ159/2022	TH003537	
3	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	16/9/2003	Nghệ An	5.3	6.0	798/QĐ159/2022	TH003538	
4	Dương Mai Chi	Nữ	30/3/2004	Nghệ An	6.3	5.0	799/QĐ159/2022	TH003539	
5	Phạm Thị Kim Chi	Nữ	24/8/2004	Nghệ An	6.3	6.0	800/QĐ159/2022	TH003540	
6	Trần Văn Đàm	Nam	25/9/2004	Nghệ An	5.7	5.0	801/QĐ159/2022	TH003541	
7	Hoàng Tấn Đạt	Nam	13/4/2004	Nghệ An	6.3	6.0	802/QĐ159/2022	TH003542	
8	Nguyễn Đình Đức	Nam	13/3/2004	Nghệ An	5.3	5.0	803/QĐ159/2022	TH003543	
9	Phan Tiến Dũng	Nam	25/10/2004	Nghệ An	6.0	5.0	804/QĐ159/2022	TH003544	
10	Trần Văn Hào	Nam	03/01/2004	Nghệ An	5.7	6.0	805/QĐ159/2022	TH003545	
11	Cao Thị Hoa	Nữ	22/3/2004	Nghệ An	5.7	5.5	806/QĐ159/2022	TH003546	
12	Hoàng Phi Hùng	Nam	25/5/2004	Bình Thuận	5.3	6.0	807/QĐ159/2022	TH003547	
13	Phạm Thị Mai Hương	Nữ	28/3/2004	Nghệ An	5.7	5.0	808/QĐ159/2022	TH003548	
14	Phan Văn Huy	Nam	27/01/2004	Nghệ An	5.3	5.5	809/QĐ159/2022	TH003549	
15	Thái Văn Huy	Nam	17/01/2004	Nghệ An	5.3	5.5	810/QĐ159/2022	TH003550	
16	Trần Duy Khánh	Nam	24/6/2003	Nghệ An	6.0	6.0	811/QĐ159/2022	TH003551	
17	Lê Đức Kiệt	Nam	17/8/2004	Nghệ An	5.7	5.0	812/QĐ159/2022	TH003552	
18	Nguyễn Văn Lâm	Nam	24/4/2004	Nghệ An	5.7	5.0	813/QĐ159/2022	TH003553	
19	Nguyễn Thị Trà Ly	Nữ	26/5/2004	Nghệ An	5.7	5.0	814/QĐ159/2022	TH003554	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
20	Nguyễn Thị Ly Ly	Nữ	17/4/2003	Nghệ An	6.3	7.0	815/QĐ159/2022	TH003555	
21	Nguyễn Hồng Nhật	Nữ	22/12/2004	Nghệ An	5.3	6.0	816/QĐ159/2022	TH003556	
22	Phạm Văn Phú	Nam	12/7/2004	Nghệ An	6.0	6.5	817/QĐ159/2022	TH003557	
23	Lê Thị Phúc	Nữ	06/4/2004	Nghệ An	5.3	5.5	818/QĐ159/2022	TH003558	
24	Hoàng Anh Quân	Nam	30/4/2004	Nghệ An	5.3	6.5	819/QĐ159/2022	TH003559	
25	Nguyễn Hữu Quyến	Nam	02/5/2004	Nghệ An	6.3	5.5	820/QĐ159/2022	TH003560	
26	Đặng Xuân Tài	Nam	09/8/2004	Nghệ An	6.0	6.0	821/QĐ159/2022	TH003561	
27	Lưu Đức Thắng	Nam	19/9/2004	Nghệ An	5.3	5.5	822/QĐ159/2022	TH003562	
28	Trần Hữu Thắng	Nam	30/8/2003	Nghệ An	5.7	5.0	823/QĐ159/2022	TH003563	
29	Thái Hữu Tiến	Nam	14/5/2004	Nghệ An	5.0	5.5	824/QĐ159/2022	TH003564	
30	Lê Thị Quỳnh Trang	Nữ	06/8/2004	Nghệ An	5.3	5.0	825/QĐ159/2022	TH003565	
31	Nguyễn Thị Yến	Nữ	18/01/2004	Nghệ An	5.3	5.0	826/QĐ159/2022	TH003566	
32	Ngô Thị Vân Anh	Nữ	11/6/2004	Nghệ An	5.3	5.5	827/QĐ159/2022	TH003567	
33	Thái Thị Hồng Ánh	Nữ	29/02/2004	Nghệ An	6.0	6.5	828/QĐ159/2022	TH003568	
34	Lê Quang Bình	Nam	01/3/2004	Nghệ An	5.0	6.0	829/QĐ159/2022	TH003569	
35	Đinh Thị Linh Chi	Nữ	25/4/2004	Nghệ An	5.3	6.0	830/QĐ159/2022	TH003570	
36	Lê Thị Kim Chi	Nữ	08/8/2004	Nghệ An	5.3	5.5	831/QĐ159/2022	TH003571	
37	Nguyễn Mạnh Dũng	Nam	18/11/2004	Nghệ An	5.7	6.0	832/QĐ159/2022	TH003572	
38	Hà Nguyễn Thị Khánh Hằng	Nữ	27/01/2004	Nghệ An	5.7	6.5	833/QĐ159/2022	TH003573	
39	Lê Trung Hiếu	Nam	30/3/2004	Nghệ An	6.3	5.0	834/QĐ159/2022	TH003574	
40	Hồ Hữu Huy	Nam	21/7/2004	Nghệ An	5.3	5.5	835/QĐ159/2022	TH003575	
41	Nguyễn Huy Khiêm	Nam	05/02/2004	Nghệ An	5.3	6.5	836/QĐ159/2022	TH003576	
42	Hoàng Tiến Lùng	Nam	20/4/2004	Nghệ An	5.7	6.0	837/QĐ159/2022	TH003577	
43	Nguyễn Đình Mạnh	Nam	15/6/2003	Nghệ An	5.7	6.5	838/QĐ159/2022	TH003578	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
44	Nguyễn Hoàng Nghĩa	Nam	04/4/2003	Nghệ An	5.7	6.5	839/QĐ159/2022	TH003579	
45	Phạm Thị Phương Nhi	Nữ	10/8/2004	Nghệ An	5.7	6.5	840/QĐ159/2022	TH003580	
46	Phạm Thị Oanh	Nữ	26/12/2004	Nghệ An	6.3	6.5	841/QĐ159/2022	TH003581	
47	Nguyễn Ngọc Phú	Nam	08/09/2004	Nghệ An	5.7	6.5	842/QĐ159/2022	TH003582	
48	Nguyễn Anh Quân	Nam	14/6/2004	Nghệ An	5.3	5.5	843/QĐ159/2022	TH003583	
49	Nguyễn Tuấn Quang	Nam	17/11/2004	Nghệ An	5.7	6.0	844/QĐ159/2022	TH003584	
50	Vũ Đức Tâm	Nam	04/10/2003	Nghệ An	5.3	6.0	845/QĐ159/2022	TH003585	
51	Lê Chí Thắng	Nam	23/11/2004	Nghệ An	5.3	5.5	846/QĐ159/2022	TH003586	
52	Nguyễn Đình Thọ	Nam	01/10/2004	Nghệ An	5.3	6.0	847/QĐ159/2022	TH003587	
53	Hoàng Trung Thông	Nam	01/6/2004	Nghệ An	5.3	6.0	848/QĐ159/2022	TH003588	
54	Lê Nguyễn Anh Thư	Nam	09/5/2004	Nghệ An	5.3	6.0	849/QĐ159/2022	TH003589	
55	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nam	22/12/2004	Nghệ An	5.7	6.5	850/QĐ159/2022	TH003590	
56	Phan Đình Tiến	Nam	17/6/2004	Nghệ An	5.7	6.0	851/QĐ159/2022	TH003591	
57	Lê Thị Cẩm Tú	Nam	28/7/2004	Nghệ An	5.7	6.5	852/QĐ159/2022	TH003592	
58	Phan Xuân Tuấn	Nam	02/10/2004	Nghệ An	6.3	6.5	853/QĐ159/2022	TH003593	
59	Hồ Viết Xuân	Nam	27/4/2004	Nghệ An	6.0	6.5	854/QĐ159/2022	TH003594	
60	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	04/3/2004	Nghệ An	6.0	6.5	855/QĐ159/2022	TH003595	
61	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	01/6/2004	Nghệ An	5.7	6.0	856/QĐ159/2022	TH003596	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

